

UBND TỈNH VINH PHÚC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VINH PHÚC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Hệ 2 năm)

NGHỀ: KỸ THUẬT SỬA CHỮA VÀ LẮP RÁP MÁY TÍNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 141/QĐ - CDN, ngày 20/12/2017 của
Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Vĩnh Phúc)*

Vĩnh Phúc, năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDN ngày 20 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Vinh Phúc)

Tên ngành, nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính.

Mã ngành, nghề: 5480102.

Trình độ đào tạo: Trung cấp.

Hình thức đào tạo: Chính quy (Có thể thực hiện theo 3 phương thức đào tạo: Niên chế, tích lũy mô đun, tín chỉ).

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo ra nhân lực trực tiếp cho sản xuất, thiết kế, chế tạo, lắp ráp, có năng lực làm việc trong lĩnh vực lắp ráp và sửa chữa máy tính; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc lắp ráp và sửa chữa máy tính trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; người học nghề sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm trong lĩnh vực lắp ráp và sửa chữa máy tính nói riêng và công nghệ công tin nói chung hoặc học lên trình độ cao đẳng, đại học hoặc tương đương.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo trình độ trung cấp nghề kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính để người học có khả năng thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính chất phức tạp của chuyên ngành sửa chữa và lắp ráp máy tính; người học có khả năng ứng dụng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong lĩnh vực kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính, cụ thể như sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính điện tử.
- + Hiểu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thành phần trong hệ thống máy tính điện tử.
- + Đọc và hiểu các thông số kỹ thuật của các thành phần phần cứng máy tính điện tử.

- + Mô tả được việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, kể cả các thiết bị ngoại vi.
- + Mô tả được việc tháo lắp, cài đặt, sửa chữa, và bảo trì máy tính xách tay.
- + Tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Kỹ năng:

- + Lắp đặt hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi liên quan.
- + Lắp ráp, cài đặt hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng khác.
- + Chẩn đoán, sửa chữa máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi liên quan.
- + Chẩn đoán và xử lý các sự cố phần mềm máy tính.
- + Bảo dưỡng hệ thống máy tính.
- + Quản lý được mạng LAN nhỏ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm làm việc

- + Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.
- + Chịu trách nhiệm cá nhân khi làm việc độc lập và trách nhiệm một phần khi làm việc nhóm.
- + Biết hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.
- + Biết đánh giá hoạt động nhóm và kết quả thực hiện công việc

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp, cơ sở sản xuất có nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, sửa chữa và lắp ráp máy tính. Cụ thể như sau:

- Làm việc tại các doanh nghiệp có trang bị hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng; các toà nhà có trang bị hệ thống máy tính.
- Làm việc tại các công ty chuyên kinh doanh máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin, hãng sản xuất, bảo trì máy tính, thiết bị, linh kiện máy tính.
- Làm việc tại các trường học ở vị trí phòng thực hành, xưởng thực tập, dạy học cho các đối tượng có bậc nghề thấp hơn.
- Có thể học tiếp tục ở bậc cao đẳng, đại học.
- Tự mở doanh nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng môn học, mô đun: **25**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: **71 tín chỉ**
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **285 giờ**
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1.800 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **449 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1.540 giờ**; Kiểm tra định kỳ: **96 giờ**

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	16	285	124	138	23
MH 01	Chính trị	2	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	1	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5	120	47	65	8
MH 05	Tin học	2	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	60	28	25	7
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	57	1.800	325	1.402	73
II.1	Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc	12	300	95	184	21
MH 07	Anh văn chuyên ngành	4	60	25	30	5
MĐ 08	Internet	2	60	15	40	5
MĐ 09	Tin học văn phòng	4	120	40	74	6
MĐ 10	Hệ điều hành Windows	2	60	15	40	5
II.2	Môn học, mô đun cơ sở tự chọn (Chọn 2/7 MH, MĐ = 6 tc, 180h)	6	180	40	130	10
MĐ 11	Lập trình C	3	90	20	65	5
MH 12	Cơ sở dữ liệu	3	45	20	20	5
MĐ 13	Sửa chữa máy tính xách tay	3	90	20	65	5
MĐ 14	Đồ họa ứng dụng	3	90	20	65	5
MĐ 15	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access	3	90	20	65	5
MĐ 16	Xử lý sự cố phần mềm	3	90	20	65	5
MĐ 17	Hệ điều hành mã nguồn mở (Linux)	3	90	20	65	5

II.3	Môn học, mô đun chuyên môn	25	690	190	458	42
MH 18	Mạng máy tính	4	60	30	25	5
MĐ 19	Lập trình căn bản	2	60	15	40	5
MĐ 20	Kiến trúc máy tính	3	90	30	55	5
MĐ 21	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	2	60	15	40	5
MĐ 22	Sửa chữa máy tính	4	120	30	84	6
MĐ 23	Lắp ráp và cài đặt máy tính	4	120	30	84	6
MĐ 24	Kỹ thuật sửa chữa màn hình, bộ nguồn	3	90	20	65	5
MĐ 25	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	3	90	20	65	5
II.4	Mô đun thực tập	12	540	0	540	0
MĐ 26	Thực tập sản xuất	12	540	0	540	0
II.5	Ôn và thi tốt nghiệp	2	90	0	90	0
Tổng cộng		73	2.085	449	1.540	96

4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Môn học	TC	Năm thứ 1		Năm thứ 2	
	Học kỳ		I	II	III	IV
I	Các môn học chung					
1	Chính trị	2	x			
2	Pháp luật	1	x			
3	Giáo dục thể chất	2	x			
4	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5	x			
5	Tin học	2	x			
6	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	x			
II	Các môn học chuyên ngành					
1	Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc					
7	Anh văn chuyên ngành	4	x			
8	Internet	2	x			
9	Tin học văn phòng	4		x		
10	Hệ điều hành Windows	2		x		
2	Môn học, mô đun cơ sở tự chọn (Chọn 2/7 MH, MD = 6 TC, 180h)					

11	Lập trình C	3		x		
12	Cơ sở dữ liệu	3		x		
13	Sửa chữa máy tính xách tay	3		x		
14	Đồ họa ứng dụng	3		x		
15	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access	3		x		
16	Xử lý sự cố phần mềm	3		x		
17	Hệ điều hành Linux	3		x		
3	Môn học, mô đun chuyên môn					
18	Mạng máy tính	4		x		
19	Lập trình căn bản	2		x		
20	Kiến trúc máy tính	3			x	
21	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	2			x	
22	Sửa chữa máy tính	4			x	
23	Lắp ráp và cài đặt máy tính	4			x	
24	Kỹ thuật sửa chữa màn hình, bộ nguồn	3			x	
25	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	3				x
4	Thực tập sản xuất	12				x
5	Ôn và thi tốt nghiệp	2				x
Tổng cộng			22	18	16	17
Số TC Môn học		21				
Số TC Thực hành		14				
Số TC Mô đun tích hợp		36				
Số tuần thi, ôn thi		4				
Số tuần/Học kỳ		18				

Học kỳ 1

TT	Mã môn học/ Mô đun	Tên ôn học/Mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
Môn học chung					
1	MH 01	Chính trị	2		
2	MH 02	Pháp luật	1		
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2		

4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5		
5	MH 05	Tin học	2		
6	MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4		
Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc					
7	MH 07	Anh văn chuyên ngành	4		
8	MĐ 08	Internet	2		
Tổng:			22		

Học kỳ 2

TT	Mã môn học/ Mô đun	Tên môn học/Mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc					
1	MĐ 09	Tin học văn phòng	4		
2	MĐ 10	Hệ điều hành Windows	2		
Môn học, mô đun cơ sở tự chọn (Chọn 2/7 MH, MD = 6 TC, 180h)					
3	MĐ 11	Lập trình C	3		
4	MH 12	Cơ sở dữ liệu	3		
5	MĐ 13	Sửa chữa máy tính xách tay	3		
6	MĐ 14	Đồ họa ứng dụng	3		
7	MĐ 15	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access	3		
8	MĐ 16	Xử lý sự cố phần mềm	3		
9	MĐ 17	Hệ điều hành mã nguồn mở (Linux)	3		
Môn học, mô đun chuyên môn					
10	MH 18	Mạng máy tính	4		
11	MĐ 19	Lập trình căn bản	2		
Tổng:			18		

Học kỳ 3

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
Môn học, mô đun chuyên môn					
1	MĐ 20	Kiến trúc máy tính	3		

2	MĐ 21	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	2		
3	MĐ 22	Sửa chữa máy tính	4		
4	MĐ 23	Lắp ráp và cài đặt máy tính	4		
5	MĐ 24	Kỹ thuật sửa chữa màn hình, bộ nguồn	3		
Tổng:			16		

Học kỳ 4

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun chuyên môn				
1	MĐ 25	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	3		
2	Thực tập tốt nghiệp		12		
3	Ôn và thi tốt nghiệp		2		
Tổng:			17		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Tổ chức thăm quan, thực nghiệm tại cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh.

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

5.3. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các môn học/mô đun tự chọn được bố trí trong học kỳ 2.

- Học kỳ 2 bố trí: chọn 02/07 môn học/mô đun

Trong đó yêu cầu tối thiểu người học phải đăng ký tham gia học các môn học/mô đun tự chọn có tổng số thời gian : 6 tín chỉ (180h).

a. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian:

Mã MH,	Tên môn học, mô đun (kiến thức)	Thời gian	Thời gian của
--------	---------------------------------	-----------	---------------

MĐ	kỹ năng tự chọn)	đào tạo		môn học, mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành,KT
MĐ 11	Lập trình C	1	2	90	20	70
MĐ 12	Cơ sở dữ liệu	1	2	45	20	25
MĐ 13	Sửa chữa máy tính xách tay	1	2	90	20	70
MĐ 14	Đồ họa ứng dụng	1	2	90	20	70
MĐ 15	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access	1	2	90	20	70
MĐ 16	Xử lý sự cố phần mềm	1	2	90	20	70
MĐ 17	Hệ điều hành mã nguồn mở (Linux)	1	2	90	20	70
Tổng cộng:				585	140	445

b. Hướng dẫn xác định đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phần sau)

5.4. Hướng dẫn thi kết thúc môn học/mô đun.

- Cuối mỗi học kỳ, hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho học sinh chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào thời điểm khác cho học sinh đủ điều kiện dự thi.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do hiệu trưởng quyết định.

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô đun trong cùng một buổi thi của một học sinh.

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô đun phải bố trí giáo viên hướng

dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho học sinh ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi.

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun chi tiết.

- Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun.

- Riêng Mô-đun thực tập được đánh giá bằng báo cáo thực tập có nhận xét của doanh nghiệp nơi học sinh tham gia thực tập.

5.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp.

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện thi sẽ được dự thi tốt nghiệp.

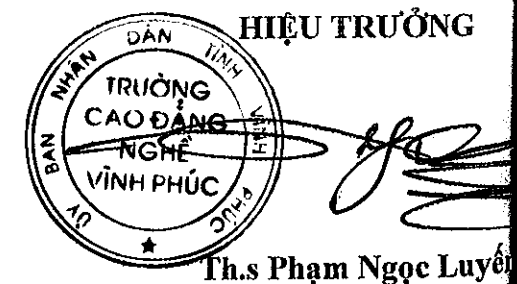
STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 90 phút Không quá 8 giờ

5.6. Các chú ý khác:

- Có thể sử dụng một số mô-đun đào tạo trong chương trình này để xây dựng chương trình sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, các cơ sở đào tạo cần dạy bổ sung những môn học, mô-đun trong chương trình cao đẳng phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG



Th.s Phạm Ngọc Luyến